ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:431 /KH-UBND	*Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1033 /TTr-SNNMT ngày 13/10/2026, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai, cụ thể hóa Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của thành phố.

- Phát triển công nghiệp sinh học đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn, bền vững và xây dựng nông thôn mới của thành phố.

2. Yêu cầu

- Triển khai Kế hoạch đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực và hiệu quả, gắn với các chương trình, kế hoạch, đề án đang triển khai trên địa bàn thành phố, tránh trùng lặp, dàn trải; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố.

- Ưu tiên các lĩnh vực công nghệ sinh học có khả năng ứng dụng, tạo giá trị gia tăng và phù hợp với lợi thế của Hải Phòng, tập trung vào trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, giống cây trồng - vật nuôi - thủy sản, chế phẩm sinh học, bảo quản và chế biến nông sản, xử lý chất thải, cải tạo môi trường, phát triển nông nghiệp tuần hoàn, phát triển kinh tế biển,…

- Huy động đa dạng nguồn lực, ưu tiên sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển tiềm lực, đào tạo nhân lực và nhiệm vụ có tính nền tảng; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường có vai trò nền tảng, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp và môi trường của thành phố dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước làm chủ, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ chiến lược; phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp và sản phẩm công nghệ sinh học có quy mô, giá trị và sức cạnh tranh cao, phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn, bền vững, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của ngành, đóng góp vào tăng trưởng của thành phố, thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức "hai con số", bảo đảm tự chủ về công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 – 2030

- Rà soát, xác định các lĩnh vực, công nghệ và sản phẩm công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường có tiềm năng phát triển, có khả năng ứng dụng và thương mại hóa trên địa bàn thành phố; ưu tiên các nhiệm vụ thiết thực, có khả năng ứng dụng, chuyển giao và nhân rộng.

- Ưu tiên triển khai, tiếp nhận, ứng dụng, chuyển giao sản phẩm từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chiến lược *(công nghệ sinh học, công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, chọn giống chính xác, chọn giống theo hệ gen,...),* sản phẩm công nghệ chiến lược *(giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới; vắc-xin, bộ sinh phẩm (KIT) chẩn đoán, chế phẩm sinh học thế hệ mới, phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc sinh học, chế phẩm bảo quản nông sản, xử lý môi trường dùng trong chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt và bảo vệ thực vật).*

- Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghệ bảo quản, chế biến sâu đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu, phục vụ sản xuất trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, thủy sản và kiểm ngư, lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn đa dạng sinh học, dần thay thế các sản phẩm nguồn gốc hóa học, sản phẩm nhập khẩu.

- Hỗ trợ hình thành, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ sinh học; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển thị trường sản phẩm công nghệ sinh học.

- Xây dựng, triển khai các mô hình trình diễn, mô hình ứng dụng công nghệ sinh học có khả năng nhân rộng trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường.

- Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật, doanh nghiệp và người sản xuất về công nghệ sinh học.

b) Giai đoạn 2031 – 2035

- Tiếp tục làm chủ, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ sinh học tiên tiến, công nghệ sinh học thế hệ mới phù hợp với điều kiện và nhu cầu phát triển của thành phố.

- Hình thành và phát triển các chuỗi nghiên cứu - sản xuất - kinh doanh sản phẩm công nghệ sinh học có lợi thế, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Tăng cường trang thiết bị và nguồn nhân lực công nghệ sinh học đủ trình độ để nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phát triển kinh tế nông nghiệp và môi trường, hội nhập quốc tế.

- Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo và các vùng sản xuất.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

Công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường trở thành một lĩnh vực công nghệ có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp hiện đại, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường của thành phố; hình thành các sản phẩm, doanh nghiệp và chuỗi giá trị công nghệ sinh học có khả năng cạnh tranh trong nước và từng bước tham gia thị trường quốc tế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ tăng trưởng ngành nông nghiệp và môi trường

a) Về trồng trọt, lâm nghiệp

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học cải tiến tính trạng quý trên các loại cây trồng nông, lâm nghiệp chủ lực, tăng sức chống chịu dịch hại, mang lại giá trị kinh tế cao nhằm chuyển giao nhân rộng vào thực tiễn, sản xuất sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng và làm chủ công nghệ chiến lược *(công nghệ gen thế hệ mới, công nghệ chỉnh sửa gen, công nghệ tế bào)*, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược trong nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mang tính trạng tốt, chế phẩm sinh học phòng chống dịch hại, thích ứng với biến đổi khí hậu, có năng suất, chất lượng vượt trội phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Làm chủ công nghệ nhân giống vô tính đối với một số cây trồng nông, lâm nghiệp quy mô công nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành, đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước và xuất khẩu.

- Tập trung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng cạnh tranh, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; công nghệ sau thu hoạch; các chế phẩm sinh học thế hệ mới, KIT chẩn đoán, giám định, quản lý sinh vật hại cây trồng và chẩn đoán độ phì nhiêu, sức khỏe đất trồng trọt, nước tưới và môi trường phục vụ nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ.

- Phối hợp xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu ADN barcode đối với nguồn gen di truyền bản địa làm cơ sở cho việc bảo tồn, khai thác, phục tráng và phát triển, bảo hộ thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với nhóm sản phẩm đặc sản của địa phương.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh các sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường quy mô công nghiệp.

b) Về vật nuôi, thủy sản, thú y

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, ứng dụng, làm chủ công nghệ gen thế hệ mới, công nghệ chỉnh sửa gen, công nghệ chiến lược để sản xuất KIT phát hiện nhanh, kiểm định, kiểm dịch, đánh giá chất lượng con giống vật nuôi, thủy sản, thú y; chọn tạo giống vật nuôi, thủy sản chủ lực tích hợp nhiều đặc tính mới, ưu việt *(năng suất cao, chất lượng tốt, sức chống chịu tốt với bệnh dịch, thích ứng biến đổi khí hậu và điều kiện môi trường bất lợi);* vắc-xin, chế phẩm sinh học và các sản phẩm sinh học sử dụng trong giám sát, chẩn đoán, xét nghiệm, phòng, chống dịch bệnh; chuyển giao, nhân rộng trong sản xuất.

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ sinh sản để cải tiến chất lượng, số lượng và quy mô giống vật nuôi, thủy sản chủ lực; chất lượng thuốc, vắc-xin, chế phẩm sinh học dùng trong chăn nuôi, thú y, nuôi trồng thủy sản.

- Ứng dụng và làm chủ công nghệ sinh học thế hệ mới, KIT phát hiện nhanh, giám định tác nhân gây bệnh, đặc biệt một số bệnh quan trọng, bệnh mới phát sinh ở vật nuôi, thủy sản; kiểm soát dư lượng các chất cấm trong thực phẩm có nguồn gốc từ động vật; công nghệ tạo chế phẩm nâng cao sức đề kháng và hiệu quả sử dụng dinh dưỡng của vật nuôi, thủy sản; phát triển, sản xuất vắc-xin thế hệ mới phòng bệnh vật nuôi, thủy sản; sản xuất thuốc thú y sinh học có hiệu quả kinh tế cao; giám sát, cảnh báo, phòng, chống kháng thuốc; chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất ở quy mô công nghiệp.

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ enzym, protein, vi sinh tạo sản phẩm nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng, nâng cao sức đề kháng vật nuôi đối với các yếu tố sinh học, phi sinh học.

c) Về bảo quản, chế biến, sau thu hoạch

- Ứng dụng và làm chủ công nghệ hiện đại tiên tiến, KIT phục vụ kiểm định, đánh giá an toàn và chất lượng thực phẩm từ cây trồng, vật nuôi, thủy sản; giám định, chẩn đoán tác nhân gây bệnh, giám sát các yếu tố gây suy giảm chất lượng nông sản, thực phẩm; công nghệ tạo chế phẩm sinh học để nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sử dụng các phụ phẩm chế biến sau thu hoạch trong nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản.

- Phát triển công nghệ tạo chế phẩm sinh học phục vụ sơ chế, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông sản chủ lực.

2. Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghiệp sinh học

a) Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hóa máy móc, thiết bị

- Khuyến khích khai thác, phát huy và từng bước nâng cao năng lực của hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thực hành, phòng thí nghiệm hiện có tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và viện nghiên cứu trên địa bàn; đồng thời khuyến khích đầu tư, tăng cường trang thiết bị phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng đơn vị để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu phát triển công nghệ sinh học, đánh giá, kiểm định an toàn sinh học phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.

- Khuyến khích thu hút và huy động các nguồn lực đầu tư để từng bước hình thành, phát triển các phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học tại doanh nghiệp.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng phục vụ phát triển ngành công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường, công nghệ chiến lược và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ khoa học về công nghệ sinh học; nghiên cứu tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ sinh học có đủ năng lực, trình độ đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng cho việc phát triển công nghiệp sinh học tại địa phương.

- Tăng cường liên kết giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người sản xuất trong thành phố với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo, tiếp nhận chuyển giao công nghệ và phát triển đội ngũ kỹ thuật cho phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học.

c) Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quốc gia về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường

Rà soát, cập nhật, bổ sung và làm giàu dữ liệu về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường trên địa bàn; bảo đảm cung cấp và chia sẻ các thông tin cơ bản, mới nhất về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường giữa các đơn vị, cán bộ làm việc trong lĩnh vực này.

3. Xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường

a) Hình thành và khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên địa bàn, từng bước phát triển các sản phẩm công nghiệp sinh học ở quy mô phù hợp trong các lĩnh vực về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực; phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi... phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ; chế phẩm sinh học phục vụ bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chủ lực phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi, thủy sản, thuốc thú y sinh học, KIT chẩn đoán, xét nghiệm, giám sát dịch bệnh, dịch hại quan trọng đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và kiểm soát dư lượng các chất cấm phù hợp với điều kiện, nhu cầu và khả năng phát triển của địa phương.

b) Từng bước phát triển, hoàn thiện chuỗi nghiên cứu - sản xuất - kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường chủ lực theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng cạnh tranh, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

c) Đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và môi trường với các tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo, chuyên gia trong và ngoài địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển và thương mại hóa sản phẩm nông nghiệp và môi trường ứng dụng công nghệ sinh học, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành, góp phần hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

4. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành về nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống.

b) Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống; chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; chính sách thu hút, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư và ưu đãi, trọng dụng nhân tài về công nghệ sinh học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Phối hợp với các bộ, ngành hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.

d) Phối hợp hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học.

5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp sinh học

a) Tăng cường kết nối, tìm kiếm, mở rộng cơ hội hợp tác, thu hút đầu tư, tiếp cận các nguồn lực, công nghệ và kinh nghiệm phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố.

b) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận, mua, tiếp nhận, chuyển giao và trao đổi công nghệ sinh học thế hệ mới, có ý nghĩa thiết thực; từng bước làm chủ công nghệ, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất hàng hóa.

6. Truyền thông nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học nói chung và công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường nói riêng đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật có đóng góp quan trọng trong tăng trưởng kinh tế.

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học trong nông nghiệp và môi trường.

c) Tuyên truyền phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học, công nghệ sinh học mới, các kết quả nổi bật của công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Tổ chức các hoạt động khuyến nông để giới thiệu, tập huấn, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp về các tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sinh học, tạo cơ sở cho việc phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường trên phạm vi toàn thành phố.

đ) Phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, giới thiệu mô hình doanh nghiệp công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố.

e) Tuyên truyền, khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường phục vụ sản xuất trong nước và xây dựng thương hiệu Việt Nam.

7. Về việc thực hiện các kế hoạch, đề án có liên quan

a) Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Các nhiệm vụ, nội dung đã được xác định tại các văn bản sau tiếp tục được triển khai thực hiện, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Kế hoạch này:

- Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 252-KH/TU ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tỉnh ủy Hải Dương *(cũ)* về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị.

- Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

- Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án Tăng cường năng lực, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản cho Trung tâm Khuyến nông Hải Phòng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

a) Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA),

vốn vay từ các tổ chức tín dụng, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Trong đó, khuyến khích nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp để phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.

b) Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước cho phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường *(bao gồm các nguồn sự nghiệp khoa học, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp đào tạo và sự nghiệp phát triển...),* việc lập dự toán ngân sách hằng năm được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan, được bố trí vào dự toán ngân sách hằng năm của các Sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị.

c) Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, việc lập dự toán được thực hiện theo các quy định pháp luật đối với từng nguồn vốn.

2. Xây dựng kế hoạch, dự toán và quản lý kinh phí

Hằng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung Kế hoạch và theo đề xuất của các Sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính ưu tiên cân đối kinh phí ngân sách thành phố để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định, việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả thực hiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương trong việc nghiên cứu, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện các nội dung liên quan đến sở hữu trí tuệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp sinh học theo quy định.

- Hàng năm, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ theo quy định.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đối với việc hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu công nghệ sinh học hiện đại trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường, hỗ trợ chuyển giao,

phát triển thị trường công nghệ tiên tiến từ nước ngoài và các quy định có liên quan đến sở hữu trí tuệ công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo, các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc khai thác, phát huy hiệu quả cơ sở vật chất, phòng thực hành, phòng thí nghiệm hiện có tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; đồng thời đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc hỗ trợ phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá và tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; phối hợp nghiên cứu, đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp thương mại tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương liên quan trong việc nghiên cứu đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với các dự án đầu tư tăng cường tiềm lực về cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công nghiệp sinh học.

6. Các sở, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp triển khai các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nhiệm vụ phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường phù hợp vào các chương trình, kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ nội dung kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường của thành phố, điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban

nhân dân các xã, phường, đặc khu chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, tổ chức trong xây dựng, triển khai, theo dõi và nhân rộng các mô hình ứng dụng tại cơ sở.

8. Các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp

- Chủ động đề xuất, tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ sinh học; phối hợp xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp và môi trường.

- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; kết nối, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu; tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ và ứng dụng công nghệ, thiết bị, quy trình kỹ thuật phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Doanh nghiệp chủ động đổi mới công nghệ, đầu tư phát triển sản phẩm, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và thị trường; tham gia nghiên cứu, sản xuất, thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp để phát triển công nghệ, sản phẩm và mở rộng thị trường, phù hợp với nhu cầu, điều kiện và khả năng của từng đơn vị.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc cung cấp, cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu; tham gia góp ý, đề xuất các cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển công nghiệp sinh học phù hợp với thực tiễn.

Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, đề nghị gửi phản hồi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các trường: Đại học Hải Phòng; Đại học Hải Dương; Đại học Hàng Hải;Cao đẳng Thủy sản và Công nghệ thực phẩm;
- Lãnh đạo VP UBND TP;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Các Phòng: NN&MT, VX, NV&KTGS;
- Lưu: VT, N.Đ.Minh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Quân

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
1	**Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ tăng trưởng ngành nông nghiệp và môi trường**				
1.1	Ứng dụng, phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới bằng công nghệ sinh học.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành, địa phương; viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ có liên quan	2026-2035	Các mô hình ứng dụng các sản phẩm công nghệ sinh học trong việc sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới mang lại năng suất cao, chất lượng tốt, kháng bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải,… phù hợp với điều kiện, nhu cầu và khả năng của địa phương, được chuyển giao, từng bước nhân rộng vào thực tiễn, sản xuất sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng
1.2	Ứng dụng, phát triển vắc – xin thế hệ mới, chế phẩm sinh học và sinh phẩm nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành, địa phương; viện, trường, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có liên quan	2026-2035	Các mô hình ứng dụng các sản phẩm công nghệ sinh học trong việc sử dụng vắc-xin thế hệ mới, chế phẩm sinh học và sinh phẩm trong chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt, bảo vệ thực vật và được chuyển giao, từng bước nhân rộng vào thực tiễn, sản xuất sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
2	**Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghiệp sinh học**				
2.1	Khuyến khích khai thác, phát huy và từng bước nâng cao năng lực của hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thực hành, phòng thí nghiệm hiện có tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và viện nghiên cứu trên địa bàn; đồng thời khuyến khích đầu tư, tăng cường trang thiết bị phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng đơn vị để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu phát triển công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.	Sở Giáo dục và Đào tạo; các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành, địa phương; doanh nghiệp có liên quan	2026-2035	Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thực hành, phòng thí nghiệm hiện có được khai thác, phát huy và từng bước nâng cao năng lực**,** phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
2.2	Khuyến khích thu hút và huy động các nguồn lực đầu tư để từng bước hình thành, phát triển các phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học tại doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương; viện, trường, doanh nghiệp có liên quan	2026-2035	Các doanh nghiệp được kết nối, hỗ trợ tiếp cận nguồn lực và công nghệ; các hoạt động đầu tư, nâng cấp hoặc hình thành cơ sở nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học được triển khai phù hợp với nhu cầu và khả năng của doanh nghiệp.
2.3	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.	Sở Giáo dục và Đào tạo; các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035	Các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng được tổ chức; các hoạt động liên kết đào tạo, trao đổi chuyên môn; nguồn nhân lực công nghệ sinh học được nâng cao kiến thức, kỹ năng.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
2.4	Phối hợp phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quốc gia về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các viện, trường, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan	Hằng năm	Dữ liệu được rà soát, cập nhật, bổ sung, làm giàu và chia sẻ phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng.
3	**Xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường**				
3.1	Khuyến khích, hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên địa bàn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; các Sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035	Doanh nghiệp, sản phẩm công nghiệp sinh học được hình thành, phát triển; các sản phẩm phù hợp được ứng dụng và từng bước thương mại hóa.
3.2	Hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; các Sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035	Các sản phẩm công nghệ sinh học được phát triển thương mại hóa vào sản xuất; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp và môi trường với các tổ chức nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong nước.
3.3	Phát triển chuỗi nghiên cứu- sản xuất- kinh doanh sản phẩm công nghệ sinh học.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các viện, trường, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan	2026-2035	Chuỗi nghiên cứu – sản xuất – kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp chủ lực theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng cạnh tranh, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
4	**Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học**				
4.1	Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành về nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035	Mô hình, kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học được ứng dụng trong sản xuất và đời sống
4.2	Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống; chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; chính sách thu hút, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư và ưu đãi, trọng dụng nhân tài về công nghệ sinh học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành, địa phương có liên quan	2026-2035	Chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghệ sinh học; chính sách thu hút và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển công nghiệp sinh học và chính sách ưu đãi, trọng dụng nhân tài về công nghệ sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
4.3	Phối hợp hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành, đơn vị có liên quan	Theo quy định, hướng dẫn	Hệ thống TCVN, QCVN lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
5	**Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp sinh học**				
5.1	Tăng cường kết nối, tìm kiếm, mở rộng cơ hội hợp tác, thu hút đầu tư, tiếp cận các nguồn lực, công nghệ và kinh nghiệm phù hợp nhằm thúc đẩy	Sở Nông nghiệp và Môi trường	các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2026-2035	Các hoạt động kết nối, trao đổi, hợp tác; cơ hội đầu tư, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ.

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dự kiến
	phát triển công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố.				
5.2	Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận, mua, tiếp nhận, chuyển giao và trao đổi công nghệ sinh học thế hệ mới, có ý nghĩa thiết thực; từng bước làm chủ công nghệ, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất hàng hóa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2026-2035	Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được kết nối, tiếp cận công nghệ và thông tin thị trường.
6	**Truyền thông nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học**				
6.1	Tuyên truyền phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất về công nghiệp sinh học.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị truyền thông, báo chí; các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2026-2035	Các hoạt động, tin bài, tài liệu tuyên truyền về công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.
6.2	Tổ chức các hoạt động khuyến nông, tập huấn, hướng dẫn; phổ biến kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; giới thiệu mô hình doanh nghiệp, mô hình ứng dụng và sản phẩm công nghiệp sinh học.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	các Sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã	2026-2035	Các lớp tập huấn, hoạt động giới thiệu, mô hình và sản phẩm công nghệ sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được triển khai, phù hợp với điều kiện thực tế và từng bước nhân rộng.